

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phùng Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Liễu.

2. Ông Tô Đình Trị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình L, sinh năm: 1983*

*Trú tại: Tổ 8, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam*

*- Bị đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm: 1981*

*Trú tại: Tổ 17, thôn B, xã B, huyện T, Quảng Nam.*

*Các bên đương sự đều có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đình L trình bày:

Anh và chị Võ Thị H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2009. Sau khi cưới nhau vợ chồng anh, chị sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ ruột của mình sống và nộp đơn ly hôn tại Tòa án T vào cuối năm 2016. Tòa án đã giải quyết cho chị H ly hôn với anh L và được

quyền nuôi con nhỏ. Anh L không đồng ý nên kháng cáo bản án và được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H lại rút đơn nên Tòa hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T để anh, chị về đoàn tụ. Nhưng vợ chồng anh vẫn phân ai nấy sống và khoảng vài tháng sau chị H lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Vợ chồng anh, chị có lên Tòa làm việc vài lần, rồi không hiểu vì sao chị H lại rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ vụ án. Nay bản thân anh thấy tình cảnh mâu thuẫn vợ chồng cứ tiếp diễn thường xuyên, anh cảm thấy rất mệt mỏi và tốn thời gian làm ăn nuôi con, lại không giải quyết được vấn đề tình cảm vợ chồng. Do vậy, anh L làm đơn xin ly hôn với chị Võ Thị H. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn nhau.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là: Nguyễn Đình L1, sinh ngày 13/6/2010. Nguyên vọng của anh L là xin nuôi con đến tuổi trưởng thành. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh L khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh L khai vợ chồng không nợ ai.

\* Bị đơn chị Võ Thị H trình bày tại bản tự khai, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay: chị thống nhất lời khai của anh L về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Trong thời gian sống chung anh L đánh đập chị làm chị phải về nhà mẹ ở và sau đó làm đơn xin ly hôn với anh L. Nhưng vì thương con còn nhỏ thiếu tình cảm của người cha nên tại phiên tòa phúc thẩm chị đã rút đơn xin ly hôn để anh L về sửa đổi. Nhưng rồi cũng không thay đổi được gì và chị làm đơn xin ly hôn tiếp. Nhưng rồi chị nghĩ mình không giành được quyền nuôi con nên chị đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện T đã ra quyết định đình chỉ vụ án. Nay anh L xin ly hôn chị không đồng ý. Chị H chỉ đồng ý ly hôn với anh L khi nào anh chịu giao con cho chị nuôi dưỡng.

- Về con chung: Chị H thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đình L1, sinh ngày: 13/6/2010. Nếu ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị H thống nhất vợ chồng không nợ ai.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh L và chị H được ly hôn, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì thấy: Hiện nay cháu L1 đang ở ổn định với anh L để đảm bảo tốt cho sự phát triển bình thường của cháu, hơn nữa phù hợp với nguyên vọng của cháu là xin ở với ba. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, giao cháu Nguyễn Đình L1,

sinh ngày: 13/6/2010 cho anh L trực nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn chị Võ Thị H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình L và chị Võ Thị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2009, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12/01/2009. Sau khi kết hôn cả anh L và chị H đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, xúc phạm nhau. Đến cuối năm 2016, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau. Bản thân chị H cũng đã nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện T. Tòa án xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh L chị H là trầm trọng. Bản thân chị H, anh L cũng đã xác định được mâu thuẫn của vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn và chị H cũng không có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Đình L được ly hôn với chị Võ Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh L thống nhất có 01 con chung tên là: Nguyễn Đình L1, sinh ngày: 13/6/2010. Vợ chồng anh L và chị H đều mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con. Anh L và chị H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Con chung thì có một, chỉ khi nào vợ chồng anh chị sống chung với nhau mới có thể cả hai cùng trực tiếp nuôi con. Nhưng nay anh chị ly hôn thì chỉ giao cho một người được trực tiếp nuôi con. Kể từ khi anh, chị sống ly thân nhau năm 2016, anh L trực tiếp nuôi con. Cháu L1 sống tốt và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Bản thân anh L có công việc thu nhập ổn định. Để đảm bảo cho sự ổn định cuộc sống của cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu là sống với ba. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của anh L, giao cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày:

13/6/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh L có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh L và chị H thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình L phải chịu số tiền: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu số 0020648 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Đình L. Anh Nguyễn Đình L được ly hôn với chị Võ Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Đình L1, sinh ngày: 13/6/2010 cho anh Nguyễn Đình L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Võ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì

Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh L và chị H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh L và chị H thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình L phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu số 0020648 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Phùng Thành**